

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỐ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM ĐỢT 1 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ hoàn thành lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm đợt 1 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 2282-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 17/02/2025 đến ngày 14/4/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
1	Bùi Thủy Anh	28.9.2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000569	NVSP1/2025.01	
2	Bùi Lê Phương Anh	10.10.2003	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000570	NVSP1/2025.02	
3	Nguyễn Mai Phương Anh	07.02.1997	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000571	NVSP1/2025.03	
4	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30.10.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000572	NVSP1/2025.04	
5	Phạm Hồng Ánh	01.01.1997	Nam Định	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000573	NVSP1/2025.05	
6	Trần Lê Huyền Chi	22.01.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000574	NVSP1/2025.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
7	Nguyễn Hồng Đạt	15.7.2002	Kiên Giang	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000575	NVSP1/2025.07	
8	Hoàng Thị Diễm	29.4.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000576	NVSP1/2025.08	
9	Vũ Phương Đông	01.5.1999	Thái Bình	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000577	NVSP1/2025.09	
10	Đào Thị Thùy Dương	26.4.2000	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000578	NVSP1/2025.10	
11	Mẫn Thị Thùy Dương	02.12.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000579	NVSP1/2025.11	
12	Nguyễn Thùy Dương	23.9.2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000580	NVSP1/2025.12	
13	Lê Hồng Dương	15.10.2000	Hà Nội	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000581	NVSP1/2025.13	
14	Nguyễn Xuân Duy	01.11.2003	Hà Tây	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000582	NVSP1/2025.14	
15	Nguyễn Thị Thu Hà	04.8.1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000583	NVSP1/2025.15	
16	Phạm Ngọc Hải	25.02.1992	Ninh Bình	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000584	NVSP1/2025.16	
17	Phạm Hồng Hạnh	30.9.1996	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000585	NVSP1/2025.17	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
18	Lê Phương Hiền	04.8.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000586	NVSP1/2025.18	
19	Đoàn Linh Hoa	30.6.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000587	NVSP1/2025.19	
20	Phạm Thị Thu Hồng	12.7.1999	Nam Định	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000588	NVSP1/2025.20	
21	Hoàng Mạnh Hùng	30.11.2003	Sơn La	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000589	NVSP1/2025.21	
22	Nguyễn Tô Trọng Hưởng	19.7.1997	Bình Định	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000590	NVSP1/2025.22	
23	Nguyễn Đức Huy	12.5.1998	Hà Nội	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000591	NVSP1/2025.23	
24	Lê Nguyễn Hoàng Kim	07.12.2003	Hà Nội	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000592	NVSP1/2025.24	
25	Đoàn Thị Lan	09.9.1987	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000593	NVSP1/2025.25	
26	Phạm Thùy Linh	20.01.1997	Hà Nội	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000594	NVSP1/2025.26	
27	Hoàng Trang Linh	08.9.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000595	NVSP1/2025.27	
28	Hoàng Khánh Linh	24.8.2004	Hải Dương	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000596	NVSP1/2025.28	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
29	Trần Thị Minh Loan	28.10.1991	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000597	NVSP1/2025.29	
30	Phạm Hoàng Long	19.01.1979	Hà Nội	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000598	NVSP1/2025.30	
31	Đoàn Văn Luân	21.7.1988	Hải Dương	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000599	NVSP1/2025.31	
32	Nguyễn Thị Tuyết Mai	11.02.1985	Thái Bình	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000600	NVSP1/2025.32	
33	Huỳnh Gia Bảo Minh	23.3.2006	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000601	NVSP1/2025.33	
34	Nguyễn Trà My	23.3.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000602	NVSP1/2025.34	
35	Bùi Vũ Hà My	13.11.1990	Cần Thơ	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000603	NVSP1/2025.35	
36	Đỗ Ngọc Nam	21.02.2003	Hải Dương	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000604	NVSP1/2025.36	
37	Lê Đào Phương Nga	12.3.2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000605	NVSP1/2025.37	
38	Phạm Như Ngọc	28.01.2005	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000606	NVSP1/2025.38	
39	Hồ Thị Ngọc	28.4.2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000607	NVSP1/2025.39	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
40	Ninh Thị Phương	24.3.2002	Sơn La	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000608	NVSP1/2025.40	
41	Nguyễn Thọ Quân	04.12.2003	Hà Nội	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000609	NVSP1/2025.41	
42	Nguyễn Hoàng Quân	19.8.2005	Tuyên Quang	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000610	NVSP1/2025.42	
43	Nguyễn Thị Thanh Quang	16.4.1974	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000611	NVSP1/2025.43	
44	Phan Thành Quang	09.3.1993	Bình Định	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000612	NVSP1/2025.44	
45	Phạm Văn Sánh	06.4.1989	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000613	NVSP1/2025.45	
46	Hồ Đăng Thắm	12.12.1988	Bình Định	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000614	NVSP1/2025.46	
47	Nguyễn Đan Thi	26.5.2000	Hòa Bình	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000615	NVSP1/2025.47	
48	Trần Thị Minh Thư	22.5.1998	Hải Dương	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000616	NVSP1/2025.48	
49	Trần Quốc Thuận	02.01.2001	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000617	NVSP1/2025.49	
50	Trịnh Ngọc Thùy	22.10.1985	Bình Dương	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000618	NVSP1/2025.50	
51	Hoàng Thanh Thủy	21.10.2003	Ninh Thuận	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000619	NVSP1/2025.51	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Ký nhận
52	Lê Thị Đoan Trang	09.7.1997	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000620	NVSP1/2025.52	
53	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	21.6.2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	Khá	HBT/BDNVSP 000621	NVSP1/2025.53	
54	Nguyễn Việt Trinh	20.8.1990	Bình Phước	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000622	NVSP1/2025.54	
55	Lê Văn Trung	01.7.1988	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000623	NVSP1/2025.55	
56	Vì Đức Trung	17.6.2003	Sơn La	Nam	Thái	Khá	HBT/BDNVSP 000624	NVSP1/2025.56	
57	Nguyễn Thành Trung	13.6.1985	Quảng Nam	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000625	NVSP1/2025.57	
58	Đào Minh Tuấn	19.01.1982	Phú Yên	Nam	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000626	NVSP1/2025.58	
59	Nguyễn Ánh Tuyết	18.7.1992	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Giỏi	HBT/BDNVSP 000627	NVSP1/2025.59	

Tổng số: 59 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang